

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC, MỨC ĐỘ THAM GIA VÀ NHU CẦU TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT

Nguyễn Văn Thạch*; Nguyễn Văn Đức*
Tạ Hữu Hiếu**, Nguyễn Văn Tĩnh***

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy khảo sát thực trạng nhận thức, mức độ tham gia và nhu cầu tập luyện thể dục thể thao (TDTT) của công nhân lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX), làm cơ sở đề xuất giải pháp phát triển TDTT quần chúng tại các KCN, KCX.

Từ khóa: Thực trạng nhận thức, nhu cầu tập luyện TDTT, công nhân lao động, khu công nghiệp, khu chế xuất.

Current status of the awareness, participation level and demand for physical training and sports of workers in industrial parks and export processing zones

Summary:

Using regular scientific research methods to survey the current situation of awareness, participation level and demand for physical training and sports of workers in industrial parks, export processing zones (IPs, EPZ), as a basis for proposing solutions to develop sports and mass media in IPs and EPZs.

Keywords: Current status of awareness, demand for physical training and sports, workers, industrial zones, export processing zones.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảng và Nhà nước ta xác định rõ đầu tư cho TDTT là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước; việc giữ gìn, tôn vinh những giá trị TDTT, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại và phát triển nền TDTT nước ta mang tính dân tộc, khoa học, nhân dân, văn minh, là những quan điểm có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hội nhập và phát triển.

Trong các KCN, KCX có đặc điểm làm việc khác hẳn so với những môi trường làm việc khác, đó là công nhân lao động làm theo các ca khác nhau do các công ty, nhà máy tại các KCN, KCX quy định. Do vậy, việc phát triển TDTT quần chúng ở các KCN, KCX cần phải được nghiên cứu một cách cụ thể, để có căn cứ đề xuất giải pháp phát triển TDTT quần chúng tại các KCN, KCX. Khảo sát về nhận thức, mức độ tham gia và nhu cầu tập luyện TDTT của cán bộ công nhân

tại các KCN, KCX là cơ sở thực tiễn quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp phải phù hợp với điều kiện và nhu cầu của người lao động.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng nhận thức và mức độ tham gia tập luyện TDTT của cán bộ công nhân lao động các KCN, KCX

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và phỏng vấn 286 công nhân lao động tại các KCN, KCX trên địa bàn 3 tỉnh Bắc Ninh, Bình Định và Bình Dương thuộc Miền Bắc, Miền trung và Miền Nam. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

*TS, **PGS.TS, ***ThS. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Bảng 1. Thực trạng nhận thức và mức độ tham gia tập luyện TDTT của công nhân lao động tại các KCN, KCX (n=286)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn		
		m _i	Tỷ lệ %	Thứ hạng
1	Nhận thức về tầm quan trọng của TDTT			
	Rất quan trọng	117	40.91	2
	Quan trọng	143	50.00	1
	Bình thường	18	6.29	3
	Không quan trọng	7	2.45	4
	Rất không quan trọng	1	0.35	5
2	Nhận thức về tác dụng của tập luyện TDTT			
	Nâng cao sức khỏe	256	89.51	1
	Giải trí	100	34.97	2
	Giao lưu	84	29.37	3
	Rèn luyện ý chí	79	27.62	4
3	Thực trạng việc tham gia tập luyện TDTT			
	Có	165	57.69	1
	Không	121	42.31	2
4	Mức độ tham gia tập luyện TDTT			
	Rất thường xuyên	32	11.19	4
	Thường xuyên	47	16.43	3
	Thỉnh thoảng	90	31.47	2
	Hiếm khi	15	5.24	5
	Không bao giờ	102	35.66	1
5	Mức kinh phí hàng tháng chi cho hoạt động TDTT (n=165)			
	<500.000đ	107	64.85	1
	500.000 – 1.000.000đ	31	18.79	2
	1.000.000 – 2.000.000đ	15	9.09	3
	> 2.000.000đ	11	6.67	4
	Không có ý kiến	1	0.63	5

Qua bảng 1 cho thấy: Hầu hết số người được phỏng vấn đều có nhận thức đúng đắn đối với hoạt động tập luyện TDTT. Có tới 90.91% số ý kiến cho rằng việc tập luyện TDTT là rất quan trọng và quan trọng đối với sức khỏe. Điều này cũng hoàn toàn trùng khớp với quan điểm của hầu hết đội ngũ công nhân lao động khi được phỏng vấn về tác dụng của việc tập luyện TDTT, đó là để tăng cường và nâng cao sức khỏe (chiếm 89.51%). Còn lại, những nhận thức về tác dụng của tập luyện TDTT như: Giải trí, giao lưu và rèn luyện ý chí chỉ chiếm từ 27.62% đến 34.97% số ý kiến trả lời. Điều này cho thấy, nhận thức về tác dụng của tập luyện TDTT trong công nhân là chưa đầy đủ.

Về mức độ tham gia tập luyện TDTT: Mặc dù đa phần số người được phỏng vấn đều đã có nhận thức đúng đắn về tác dụng của việc tập luyện TDTT, nhưng do điều kiện công việc làm tại các KCN, KCX là làm việc theo ca. Bên cạnh đó, việc di chuyển từ nơi làm việc đến khu trọ mất nhiều thời gian nên ảnh hưởng tới việc tham gia tập luyện TDTT thường xuyên của công nhân các KCN, KCX. Do đó, mức độ tham gia tập luyện cũng rất hạn chế. Cụ thể, khi được phỏng vấn chỉ có 165 người (chiếm 57.69%) trả lời là có tham gia tập luyện TDTT và mức độ tham gia tập luyện ở mức rất thường xuyên và thường xuyên chỉ chiếm 25.52%, còn lại đa phần là tập luyện TDTT ở mức độ thỉnh thoảng (chiếm 31.47%).

Với nhận thức và mức độ tham gia tập luyện TDTT như vậy, nên khi phỏng vấn đối với 165 người có tham gia tập luyện TDTT, mặc dù lương của công nhân còn hạn chế nhưng họ vẫn dành một khoản chi phí cho việc tập luyện TDTT để giữ gìn và nâng cao sức khỏe, tái tạo sức lao động. Cụ thể: có tới 83.64% số công nhân đã dành số tiền từ < 500.000đ/tháng cho đến 1.000.000đ/tháng để chi cho việc tập luyện TDTT. Còn đối với những người không tham gia tập luyện TDTT, qua phỏng vấn trực tiếp đều cho rằng, mặc dù không tham gia tập luyện TDTT nhưng đôi khi vẫn chi một khoản tiền dành cho hoạt động TDTT như mua vé xem các giải đấu của các môn thể thao mình yêu thích hoặc ủng hộ các giải thể thao tại đơn vị mình ...

2. Thực trạng nhu cầu tập luyện TDTT của công nhân tại các KCN, KCX

Kết quả phỏng vấn và khảo sát nhu cầu tập luyện TDTT của đối tượng nghiên cứu được trình bày tại bảng 2.

Qua kết quả tại bảng 2 cho thấy:

Có tới 80.77% số người được phỏng vấn có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT, số người không có nhu cầu tham gia tập luyện chỉ chiếm tỷ lệ 19.23%.

Do đặc điểm của các KCN, KCX là làm việc theo ca, nên khi được hỏi về nhu cầu của địa điểm tham gia tập luyện thì phần lớn đều có nhu cầu tập luyện TDTT tại nơi cư trú (chiếm 67.53%) và tại nơi làm việc (chiếm 62.77%) để thuận lợi theo ca làm việc của mình.

Môn thể thao mà công nhân lao động tại các KCN, KCX có nhu cầu tham gia tập luyện cao đó là: Bóng đá, Cầu lông, Đi bộ và tập Thể dục. Trong đó, tập Thể dục chiếm tỷ lệ cao nhất

Bảng 2. Thực trạng nhu cầu tập luyện TDTT của công nhân lao động tại các KCN, KCX (n=286)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn		
		m _i	Tỷ lệ %	Thứ hạng
1	Thực trạng nhu cầu tập luyện TDTT			
	Có nhu cầu	231	80.77	1
	Không có nhu cầu	55	19.23	2
2	Thực trạng địa điểm tham gia tập luyện TDTT (n=231)			
	Tại nơi làm việc	145	62.77	2
	Tại nơi cư trú	156	67.53	1
	Khác	15	6.49	3
3	Thực trạng nhu cầu tham gia tập luyện các môn thể thao (n=231)			
	Bóng đá	68	29.44	2
	Bóng chuyền	23	9.96	6
	Bóng bàn	16	6.93	7
	Bóng rổ	12	5.19	8
	Cầu lông	47	20.35	4
	Tennis	24	10.4	5
	Đi bộ	63	27.27	3
Thể dục	74	32.03	1	
4	Thời điểm tham gia tập luyện thể thao(n=231)			
	Trước giờ làm việc	12	5.19	4
	Giữa giờ làm việc	14	6.06	3
	Sau giờ làm việc	134	58.01	1
	Thời gian rảnh	71	30.74	2
5	Hình thức tổ chức tập luyện TDTT (n =231)			
	Có người hướng dẫn	169	73.16	1
	Không có người hướng dẫn	62	26.84	2



Vấn đề phát triển phong trào TDTT trong các khu công nghiệp, khu chế xuất đã bắt đầu được quan tâm, chú ý (Ảnh: khai trương cụm TDTT KCN Nam Tân Uyên)

(32.03%). Điều này cũng hoàn toàn dễ hiểu, bởi độ tuổi công nhân lao động trong các KCN, KCX thường là ở độ tuổi thanh niên chưa có gia đình (18 – 25 tuổi) nên nhu cầu có thân hình đẹp và cân đối là rất cao. Còn lại những môn như: Bóng bàn, Bóng rổ và Tennis, một mặt do tính phổ biến và một mặt do điều kiện về cơ sở vật chất hạn chế nên số người có nhu cầu tham gia tập luyện những môn thể thao này còn ít.

Về thời điểm tham gia tập luyện: Đa phần đều có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT vào thời điểm sau giờ làm việc và thời gian rảnh rỗi (chiếm 88.75%). Điều này cũng hoàn toàn hợp lý, bởi đây cũng chính là thời điểm tham gia tập luyện của đa phần người dân tham gia tập luyện TDTT nói chung chứ không riêng gì của cán bộ công nhân tại các KCN, KCX.

Về hình thức tổ chức tập luyện: Phần lớn đều có nhu cầu hướng dẫn khi tham gia tập luyện TDTT (chiếm 73.16%), tuy vậy vẫn còn tới trên 25% số người được hỏi cho rằng không có nhu cầu người hướng dẫn khi tham gia tập luyện TDTT.

KẾT LUẬN

1. Phần lớn công nhân lao động tại các KCN, KCX đã có nhận thức đúng đắn về tác dụng của tập luyện TDTT đối với sức khỏe, tái tạo sức lao động cho bản thân, tuy nhiên số lượng tham gia tập luyện TDTT thường xuyên chưa cao (chỉ chiếm 25.52%) và việc dành kinh phí cho việc tập luyện TDTT còn khiêm tốn.

2. Hầu hết công nhân lao động đều có nhu cầu tham gia tập luyện TDTT với địa điểm tập luyện tại nơi cư trú và nơi làm việc vào thời

điểm sau giờ làm việc và thời gian rảnh rỗi. Môn thể thao mà mọi người có nhu cầu tập luyện nhiều là: Bóng đá, Cầu lông, Đi bộ và Thể dục, với hình tập tập luyện có người hướng dẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Kim Anh (2013), “Nghiên cứu phát triển TDTT quần chúng xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc”, *Luận án tiến sĩ giáo dục học*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
2. Trần Kim Cương (2009), “Nghiên cứu những giải pháp phát triển các loại hình CLB TDTT cơ sở trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội ở tỉnh Ninh Bình”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện khoa học TDTT, Hà Nội.
3. Phạm Tuấn Hiệp (2012), “Duy trì và phát triển loại hình tập luyện thể dục thể thao dựa vào phúc lợi xã hội ở xa, phường, thị trấn của tỉnh Bắc Ninh”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
4. Đặng Quốc Nam (2006), “Nghiên cứu các giải pháp xã hội hóa nhằm khai thác tiềm năng để phát triển TDTT quần chúng ở Tp Đà Nẵng”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
5. Thủ tướng chính phủ (2011), *Quyết định 1780/QĐ-TTg phê duyệt đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các KCN, KCX đến năm 2015*, Hà Nội.
6. Thủ tướng chính phủ (2013), *Quyết định 2164 /QĐ-TTg phê duyệt tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030*.